**CHƯƠNG 3.Nguồn gốc duy nhất của tích lũy tư bản là:**

a. Tài kinh doanh của nhà tư bản

b. Giá trị thặng dư

c. Do cải tiến kỹ thuật

d. Tư bản có sẵn trong xã hội

CHƯƠNG 3.Sức lao động là một loại hàng hóa đặc biệt

a. Sức lao động là hàng hóa gắn với con người cụ thể, có nhân cách

b. Nó mang yếu tố tinh thần và lịch sử, giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động khi sử dụng, nó tạo ra được lượng giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó.

 c. Nó bao gồm toàn bộ giá trị tư liệu sinh hoạt để nuôi sống người lao động, con cái người lao động và các phí tổn đào tạo. Mặt khác hàng hóa sức lao động luôn gắn liền với con người có nhân cách.

d. Sức lao động là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn trong công thức chung tư bản.

CHƯƠNG 3.Chọn câu sai cho cách diễn đạt nào dưới đây về hệ quả kinh tế của tích lũy tư bản?

a. Tích lũy tư bản làm tăng cấu tạo hữu cơ của tư bản.

b. Tích lũy tư bản là bần cùng hóa giai cấp công nhân.

c. Tích lũy tư bản làm tăng tích tụ và tập trung tư bản.

d. Tích lũy tư bản là quá trình hiện đại hóa công nghệ.

**CHƯƠNG 3.Dựa vào căn cứ nào để chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biển?**

a. Hao mòn hữu hình hoặc vô hình.

b. Vai trò của các bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư

c. Tốc độ chu chuyển của tư bản

d. Phương thức chuyển giá trị các bộ phận tư bản vào sản phẩm

CHƯƠNG 3.Điều kiện để hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân, lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất là

a. Cạnh tranh trở nên hoàn hảo hơn X

b. Tư do di chuyển tư bản và sức lao động

c. Độc quyền tư nhân phát triển mạnh

d. Nhà tư bản lựa chọn được phương án kinh doanh tối ưu nhất

CHƯƠNG 3.Trong nền kinh tế thị trường TBCN, tư bản thương nghiệp ra đời do:

a. Tư bản lưu động

b. Tư bản hàng hoá

c. Sự phân công lao động xã hội

d. Tư bản cho vay và tư bản ngân hàng

CHƯƠNG 3.Địa tô TBCN là phần còn lại sau khi khấu trừ:

a. Lợi nhuận

b. Lợi nhuận bình quân

c. Lợi nhuận siêu ngạch

d. Lợi nhuận độc quyền

CHƯƠNG 3.Chọn câu sai trong các phát biểu dưới đây về lợi nhuận:

a. Lợi nhuận chẳng qua chỉ là hình thái biểu hiện của giá trị thặng dư trên bề mặt nền kinh tế thị trường

b. Lợi nhuận là mục tiêu, động cơ, động lực của hoạt động sản xuất, kinh doanh

c. Lợi nhuận và giá trị thặng dư hoàn t

toàn giống nhau.

d. Nhà tư bản chỉ cần bán hàng hóa cao hơn chi phí sản xuất là đã có lợi nhuận.

CHƯƠNG 3.Mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản chỉ được giải quyết khi:

a. Tìm ra được tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa.

b. Khi ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất

c. Tìm ra được hàng hóa sức lao

động

d. Tìm ra được lao động phức tạp

CHƯƠNG 5.Tốc độ chu chuyển tư bản tăng thì tỷ suất lợi nhuận sẽ:

a. Không đổi

b. Tùy điều kiện cụ thể

c. Tăng lên

d. Giảm

CHƯƠNG 3.Nếu nhà tư bản bán hàng hóa ra thị trường với giá cả bằng với giá trị thì họ có thu được lợi nhuận không? Vì sao?

a. Có. Vì lợi nhuận bằng giá trị thặng dư.

b. Không. Vì mới chỉ đủ bù đắp cho X chi phí sản xuất.

CHƯƠNG 3.Động cơ quan trọng nhất của hoạt động cạnh tranh tư bản chủ nghĩa là:

a. Tỷ suất giá trị thặng dư

b. Tỷ suất lợi nhuận

c. Tỷ suất lợi tức

d. Tỷ suất lợi nhuận bình quân

CHƯƠNG 3.Trong mô hình tái sản xuất giản đơn, toàn bộ giá trị thặng dư được nhà tư bán:

a. Tiêu dùng cho ứng dụng khoa học công nghệ

b. Trả tiền công cho công nhân

c. Đầu tư vào quá trình sản xuất

d. Tiêu dùng cho cá nhân

CHƯƠNG 3.Chỉ ra câu sai trong các phát biểu dưới đây về vai trò của chi phí sản xuất

a. Đảm bảo điều kiện cho tái sản xuất

trong nền kinh tế thị trường.

b. Là cơ sở cho cạnh tranh về giá cả bán hàng giữa các nhà tư bản

c. Bù đắp tư bản về giá trị và hiện vật

d. Là căn cứ để xác định lợi nhuận của nhà sản xuất

CHƯƠNG 3.Việc phân chia tư bản thành bất biến và khả biến có ý nghĩa

a. Thu hồi giá trị của từng bộ phận tư

bån

b. Xác định bộ phận nào tạo ra giá trị thặng dư

c. Xác định thời gian chu chuyển của

từng loại tư bản

d. Tất cả đều đúng

CHƯƠNG 3.Cấu tạo hữu cơ luôn có xu hướng tăng là do:

a. Thu hút đầu tư nước ngoài

b. Xu hướng đầu tư ứng dụng công nghệ cao

c. Cấu tạo kỹ thuật cũng vận động theo xu hướng tăng lên về lượng

d. Mối quan hệ giữa tư bản bất biến và tư bản khả biến ngày càng giảm tương đối.

CHƯƠNG 3.Giá trị thặng dư siêu ngạch thu được do:

a. Tăng năng suất lao động ngành

b. Tăng năng suất lao động của liên

ngành

c. Tăng năng suất lao động cá biệt

d. Tăng năng suất lao động xã hội.

CHƯƠNG 3.Nếu tỷ lệ giữa tích lũy và tiêu dùng đã được xác định thì quy mô của tích lũy tư bản phụ thuộc vào yếu tố nào?

a. Tâm lý chủ quan của nhà tư bản

b. Tích tụ và tập trung tư bản

c. Cải tiến khoa học kỹ thuật hiện đại

vào sản xuất

d. Giá trị thặng dư

CHƯƠNG 3.Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động trong quá trình sử dụng vào sản xuất có khả năng tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó. Hỏi: giá trị bản thân nó là gì?

a. Giá trị vốn có của nó

b. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động.

c. Giá trị hàng hóa

d. Giá trị hàng hóa sức lao động

CHƯƠNG 3.Trong quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa, quy mô của tư bản cá biệt tăng lên thông qua:

a. Chính sách phát triển kinh tế - xã hội của chính phủ

b. Tích tụ và tập trung tư bản

c. Thu hút đầu tư nước ngoài

d. Qúa trình liên kết, hợp tác quốc tế

Chương 4

Sự phát triển của hệ thống tín dụng đã:

a. Trở thành đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy tập trung sản xuất, dẫn đến độc quyền

 b. Đẩy nhanh quá trình tích tụ tư bản

c. Tạo điều kiện để các xí nghiệp huy động vốn, mở rộng sản xuất, hình thành độc quyền

d. Đẩy nhanh quá trình tích lũy tư bản

Câu 8 Giá cả độc quyền bao gồm các yếu tố

a. Chi phí sản xuất độc quyền và sự thỏa hiệp

trong nội bộ tổ chức độc quyền.

b. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa và lợi

nhuận độc quyền

c. Chi phí sản xuất và lợi nhuận bình quân

 d. Chi phí sản xuất độc quyền và lợi nhuận độc quyền

Độc quyền xuất hiện đã làm cho cạnh tranh:

a. Gay gắt hơn

b. Giảm đi

6. Bị thủ tiêu

d. Các phương án trên đều sai

Giá cả độc quyền là giá cả do các tổ chức độc quyền áp đặt trong:

a. Bán hàng hóa ra thị trường

b. Mua và bán hàng hóa

c. Mua các yếu tố đầu vào

d. Bán hàng hóa độc quyền

Chọn phương án đúng để điền vào dấu ..... cho thích hợp: “Độc quyền là sự liên minh giữa các doanh nghiệp lớn, việc sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hóa, có khả năng định ra, nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.

a. Đủ sức mạnh/giá cả độc quyền

b. Có khả năng thâu tóm/giá cả độc quyền.

c. Liên minh, liên kết/giá cả độc quyền

d. Nắm trong tay phần lớn/giá cả

Sự thống trị của độc quyền đã làm cho:

a. Người tiêu dùng và xã hội bị thiệt hại.

b. Các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia, đa

quốc gia hình thành và phát triển mạnh mẽ.

 c. Quá trình cạnh tranh và thu hút đầu tư nước ngoài tăng lên

d. Các tập đoàn kinh tế phát triển mạnh, là cơ sở để phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế

Trong nền kinh tế thị trường TBCN, độc quyền nhà nước được hình thành do:

a. Do sự thống trị và chi phối của tư bản tài chính và tài phiệt tài chính.

b. Sự thống trị của các tập đoàn kinh tế xuyên

quốc gia, đa quốc gia.

c. Sự kết hợp giữa độc quyền tư nhân và nhà nước tư sản dưới nhiều hình thức nhằm để đảm bảo lợi ích cho giai cấp tư sản.

d. Trên cơ sở cộng sinh giữa độc quyền tư nhân, độc quyền nhóm và sức mạnh kinh tế của nhà nước

Chọn phương án sai cho các phát biểu sau đây:

a. Độc quyền có thể làm tăng năng suất lao động.

b. Độc quyền tạo khả năng to lớn thúc đẩy sự

tiến bộ kỹ thuật.

c. Độc quyền tạo ra sự lựa chọn tự nhiên và phân hóa giàu nghèo trong xã hội.

d. Độc quyền có thể kìm hãm sự tiến bộ kỹ x thuật.

Cơ cấu của độc quyền nhà nước trong của CNTB, nhà nước đã trở thành:

a. Một ông chủ vừa nắm trong tay quyền lực cả về kinh tế lẫn chính trị

b. Một tập thể tư bản khổng lồ

c. Một chủ thể kinh tế có tiềm lực mạnh

d. Một bộ máy quyền lực nằm trong tay các tài phiệt tài chính

Các tài phiệt tài chính thực hiện sự thống trị của mình thông qua:

a. Làm chủ các tập đoàn kinh tế lớn

b. Thành lập công ty xuyên quốc gia

c. Chế độ tham dự

d. Quyền lực kinh tế và chính trị

Chọn phương án đúng để điền vào dấu ..... cho thích hợp: “Độc quyền là sự liên minh giữa các doanh nghiệp lớn, việc sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hóa, có khả năng định ra, nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.

a. Đủ sức mạnh/giá cả độc quyền

b. Có khả năng thâu tóm/giá cả độc quyền.

c. Liên minh, liên kết/giá cả độc quyền

d. Nắm trong tay phần lớn/giá cả

Giá cả độc quyền là giá cả do các tổ chức độc quyền áp đặt trong:

a. Bán hàng hóa ra thị trường

b. Mua và bán hàng hóa

c. Mua các yếu tố đầu vào

d. Bán hàng hóa độc quyền

Độc quyền xuất hiện đã làm cho cạnh tranh:

a. Gay gắt hơn

b. Giảm đi

6. Bị thủ tiêu

d. Các phương án trên đều sai

Sự phát triển của hệ thống tín dụng đã:

a. Trở thành đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy tập trung sản xuất, dẫn đến độc quyền

b. Đẩy nhanh quá trình tích tụ tư bản

c. Tạo điều kiện để các xí nghiệp huy động vốn, mở rộng sản xuất, hình thành độc quyền

d. Đẩy nhanh quá trình tích lũy tư bản

Liên kết dọc giữa các tổ chức độc quyền

là:

a. Liên kết mở rộng ra nhiều ngành khác nhau

b. Liên kết trong phạm vi quốc gia

c. Liên kết giữa những doanh nghiệp trong

cùng một ngành

d. Liên kết trên phạm vi quốc tế.

Consortium là hình thức độc quyền theo

Kiểu:

a. Liên kết chiều dọc

b. Liên kết phân tầng

c. Liên kết công - tư

d. Liên kết chiều ngang

Xuất khẩu tư bản là:

a. Đầu tư vốn ra nước ngoài

b. Xuất khẩu lao động

c. Xuất khẩu hàng hóa

d. Xuất khẩu khoa học công nghệ.

Chọn phương án sai cho các phát biểu sau đây về sự kết hợp nhân sự trong CNTB độc quyền nhà nước:

L a. Các Hội chủ cung cấp kinh phí cho các đảng, quyết định về mặt nhân sự và đường lối chính trị, kinh tế của các Đảng.

b. Đứng đằng sau các đảng phải là các Hội

chủ xí nghiệp độc quyền

c. Các Hội chủ hoạt động thông qua các v đảng phái để bảo vệ lợi ích cho người lao động

d. Sự kết hợp về nhân sự giữa tổ chức độc quyền và nhà nước được thực hiện thông qua các đảng phái.

Các xí nghiệp tư bản tham gia vào Trust trở thành:

a. Những công ty độc lập trong hệ thống

quản trị chung của quốc tế

b. Những chi nhánh trong tổng công ty

V. Những tập đoàn kinh tế hùng mạnh

d. Những cổ đông để thu lợi nhuận theo t số lượng cổ phần.

Mục đích của hình thức độc quyền Syndicate là:

a. Để các xí nghiệp lớn thống nhất đầu mối mua và bán theo giá cả độc quyền.

C. b. Để các xí nghiệp lớn thống nhất quy trình sản xuất

c. Để các xí nghiệp tư bản lớn thỏa thuận với nhau về giá cả, sản lượng, thị trường.

d. Để các xí nghiệp lớn mở rộng thị trường ra toàn thế giới.

**Chương 5**

**1.**

a. Doanh nghiệp nhà nước là một bộ phận của kinh tế nhà nước.

b. Không liên hệ gì với nhau

c. Đồng nhất với nhau

d Kinh tế nhà nước là một bộ phận của doanh nghiệp nhà nước

**2.Phân phối không chỉ phụ thuộc vào quan hệ sở hữu, mà còn phụ thuộc vào**

ạ Nhu cầu

 b. Tiểu dùng

c. Trao đổi

* d. Sản xuất2 **giữa lợi ích kinh tế và các lợi ích khác thể hiện như thế nào?**

a.Lợi ích văn hóa xã hội chỉ phối lợi ích kinh tế

b. Lợi ích kinh tế là cơ sở thúc đẩy sự phát triển các lợi ích khác

c. Lợi ích của xã hội là trên hết, trước hết.

 d Lợi ích kinh tế phụ thuộc vào lợi ích chính trị

**4. Trong điều kiện kinh tế thị trường, sự chênh lệch về mức thu nhập giữa các tập thể, các cá nhân là:**

a. Tất yếu khách quan

b. Hiện tượng vĩnh viễn

C. Không thể chấp nhận

d. Do hạn chế của kinh tế thị trường

**5.Tổ chức quan trọng nhất bảo vệ quyền lợi người lao động Việt Nam là**

a. Hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam

b. Công đoàn

c. Chính phủ

d Phòng thương mại và công nghiệp VN

**6.Yếu tố quan trọng đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường Việt Nam là**

a. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

b. Sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế

C. Sự quản lý của nhà nước và quá trình hoàn thiện thể

d. Sự đa dạng của các chủ thể kinh tế.

7.Phần phối căn cứ vào đóng góp trong việc tạo ra thu nhập là hình thức phân phối

a. Quy mô

b. Chức năng

 c. Chất lượng

d. Trình độ

8.  Vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

a. Giữ vai trò nền tảng quyết định

 b. Một động lực quan trọng

c. Giữ vai trò chủ đạo

d. Quyết định nền kinh tế

9.

a. Trình độ phát triển của LLSX, địa vị của chủ thể trong QHSX, chính sách phân phối thủ nhập của nhà nước, hội nhập kinh tế quốc tế

C. b. Trình độ phát triển của LLSX, chính sách phân phối thu nhập của nhà nước, hội nhập kinh tế quốc tế.

C. c. Trình độ phát triển của LLSX, địa vị của chủ thể trong QHSX, chính sách phân phối thủ nhập của nhà nước

d. Trình độ phát triển của LLSX, địa vị của chủ thể trong QHSX, hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước

**10.Tốc độ chủ chuyển từ bản tăng thì tỷ suất lợi nhuận sẽ**

 a. Tùy điều kiện cụ thể

B. Không đổi

C. Tăng lên

d. Giảm

**11.Để phát triển thành công kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, chúng ta cần**

a. Phát huy được sức mạnh về trí tuệ của toàn dân tộc

b. Thực hiện nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, vai trò của nhà nước và phát huy vai trò của nhân dâ

c. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

c. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hưởng xã hội chủ nghĩa

**12. Tại sao trong nền kinh tế thị trường, mọi quốc gia đều phải can thiệp vào?**

a. Nhà nước quản lý để thực hiện lợi ích cho giai cấp thống trị

b. Bởi vì kinh tế thị trường có rất nhiều khuyết tật

C. Bởi vì mỗi quốc gia có thể chế chính trị khác nhau.

d. Bởi vì mỗi nước đều muốn thực hiện mục tiêu riêng của mình.

**14.Trong các hình thức phân phối sản phẩm làm ra, hình thức phản phối nào là cơ bản nhất của nền kiKnh tế thị trường định hưởng xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

a. Theo hiệu quả kinh tế

 b. Theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác

c. Theo lao động

d Theo phúc lợi xã hội

**15. Khi có xung đột giữa các chủ thể kinh tế, cn có sự tham gia hòa giải của các tổ chức xã hội có liên quan, đặc biệt là**

a. Tòa án

b. Nhà nước

c Tổ chức quốc tế

d. Các tổ chức đoàn thể xã hội

**16.Trong nền kinh tế thị trường, phương thức và mức độ thỏa mãn các nhu cầu vật chất tùy thuộc vào:**

a. Chất lượng, chủng loại hàng hóa và dịch vụ

b. Sự đa dạng của hàng hóa và dịch vụ

c. Thu nhập

17.Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội là.

a. Chăm lo phát triển kinh tế để thực hiện mục tiêu tiến bộ và công bằng xã hội.

b. Thực hiện song song chính sách phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

c. Quan tâm đến mục tiêu tiền hộ và công bằng xã hội để phát triển kinh tế.

d Phát triển kinh tế là mục tiêu trước mắt, tiến bộ và công bằng xã hội là mục tiêu lâu dài.

**18Cùng với kinh tế tập thể, kinh tế nhà nước ngày càng khẳng định vị trí như thế nào trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam?**

a. Nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân,

 b. Tạo cơ sở vững chắc cho các thành phần kinh tế khác

c. Là một động lực quan trọng

 d. Quyết định nền kinh tế

**19.Cùng với kinh tế tập thể, kinh tế nhà nước ngày càng khẳng định vị trí như thế nào trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

b. Tạo cơ sở vững chắc cho các thành phần kinh tế khác

 c. Là một động lực quan trọng

d. Quyết định nền kinh tế

CHƯƠNG 5. Quan hệ lợi ích kinh tế giữa các chủ thể là

a. Thống nhất chặt chẽ với nhau, thúc đẩy nhau phát triển.

b. Hoàn toàn mâu thuẫn với nhau, tìm cách bài trừ nhau

C. Vừa thống nhất vừa mâu thuẫn với nhau

d. Có quan hệ biện chứng trong đó lợi ích xã hội là tiền tảng

**20Chọn phương án sai cho các phát biểu dưới đây về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam:** câu dài nhất ( còn kém hiệu lực, hiệu quả kém đầy đủ các yếu tố môi trường và các loại thị trường

**Chương 6**

**1.Thời gian để tiến hành công nghiệp hoá theo mô hình công nghiệp hóa cổ điển của các nước tư bản chủ nghĩa là:**

a. 50 – 70 năm

 b. 70 – 90 năm

 c. 40 – 60 năm

d. 60 – 80 năm

**2.Cách mạng công nghiệp lần I khởi phát từ nước nào và trong khoảng thời gian nào?**

a. Nước Mỹ, từ giữa thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XVIII

.b. Nước Đức, từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX

c. Nước Anh, từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX

d. Nước Pháp, từ giữa thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XVIII

**3.Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs) đã sử dụng con đường nào để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**

O a. Con đường thứ nhất

Ob. Con đường thứ tư

O c. Con đường thứ hai

d. Con đường thứ ba

**4.Đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV là:**

O a. Sử dụng công nghệ thôn tin và máy tính để tự động hóa sản xuất

© b. Liên kết giữa thế giới thực và ảo, để thực hiện công việc thông minh và hiệu quả nhất.

O c. Sử dụng công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất

Od. Sử dụng robot và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất, liên kết quốc tế nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

**5.Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hiệu quả chính là quá trình:**

a. Tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP.

Ob. Tăng tỷ trọng của những ngành sáng tạo, giảm tỷ trọng những ngành thủ công truyền thống trong GDP.

O c. Tăng tỷ trọng của công nghiệp, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP.

Od. Tăng tỷ trọng của ngành dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp và công nghiệp trong GDP.

**Clear my choice**

**6.Quá trình công nghiệp hóa ở các nước tư bản cổ điển đã dẫn đến mẫu thuẫn gay gắt giữa tư bản và lao động, làm bùng nổ những cuộc đấu tranh chống lại nhà tư bản của giai cấp/tầng lớp nào?**

O a. Giai cấp tiểu tư sản

O b. Tầng lớp trung lưu

c. Giai cấp công nhân

Od. Tầng lớp trí thức

**7.Con đường công nghiệp hóa theo mô hình Liên Xô cũ thường là:**

O a. Ưu tiến phát triển công nghệ sản xuất hàng xuất khẩu.

© b. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

O c. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến hàng tiêu dùng.

Od. Ưu tiên phát triển công nghiệp sản xuất lương thực, thực phẩm.

**Clear my choice**

**8.Công nghiệp hóa ở nước Anh được bắt đầu tư ngành công nghiệp nào?**

O a. Công nghiệp khai thác

O b. Công nghiệp cơ khí

O c. Công nghiệp chế biến

d. Công nghiệp dệt

**9.Một trong những nhiệm vụ mà Việt Nam cần phải thực hiện để thích ứng với những tác động tiêu cực từ cách mạng công nghiệp là thứ tự là:**

( ) a. Phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao

O b. Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài để chuyển giao khoa học công nghệ O c. Chủ động hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới

Od. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại

**Clear my choice**

**10,.Quá trình công nghiệp hoá ở các nước tư bản cổ điển cũng dẫn đến mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau và mâu thuẫn giữa các nước tư bản với:**

**a**. Các nước thuộc địa

O b. Các nước xã hội chủ nghĩa

O c. Các nước đang phát triển

Od. Các nước kém phát triển

**Clear my choice**

**11.Yếu tố quyết định đến nền kinh tế độc lập tự chủ là:**

**©** a. Phát huy nội lực và sức mạnh dân tộc

**12.Nghiên cứu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ I, Mác đã khái quát tính quy luật của cách mạng công nghiệp qua 3 giai đoạn phát triển là:**

O a. Hợp tác hóa sản xuất, cơ khí hóa và điện khí hóa

O b. Hợp tác hóa sản xuất, điện khí hóa và đại công nghiệp cơ khí

O c. Hiệp tác giản đơn, công trường thủ công và đại công nghiệp

 d. Hiệp tác hóa sản xuất, cơ giới hóa và tự động hóa

**13.Thích ứng và thực hiện cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam, khâu đột phả là cần thực hiện và ứng dụng:**

a. Công nghệ vật liệu

Ob. Công nghệ cao

Oc. Công nghệ thông tin

Od. Công nghệ sinh học

**14.Một trong những đặc điểm chủ yếu của CNH, HĐH ở Việt Nam là:**

O a. Công nghiệp hóa phải gắn liền với hiện đại hóa

O b. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải gắn liền phát huy nội lực nền kinh tế

c. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải gắn liền với nền kinh tế tri thức

Qd. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải gắn liền với mở cửa hội nhập

**15.Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra cơ hội để các quốc gia giải quyết những vấn de:**

O a. Giai cấp

b. Toàn cầu

Oc. Quốc gia, dân tộc

Od. Phân biệt chủng tộc.

**16.Mô hình công nghiệp hóa ở Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs) còn được gọi là mô hình công nghiệp hóa:**

O a. Kinh tế tri thức

Ob. Rút ngắn

O c. Dựa trên công nghệ thông tin

O d. Đi tắt, đón đầu công nghệ mới

**17.Chọn phương án sai cho các phát biểu dưới đây về hội nhập kinh tế quốc te** ( cau d)

O a. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp mở cửa thị trường, thu hút vốn, thực hiện công nghiệp hóa, tăng tích lũy, tạo nhiều cơ hội việc làm

O. b. Hội nhập kinh tế quốc tế là con đường có thể giúp cho các nước đang và kém phát triển có thể tận dụng thời cơ phát triển rút ngắn, thu hẹp khoảng cách

c. Hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội để các nước đang và kém phát triển tiếp cận và sử

**18. Mô hình công nghiệp hóa cổ điển được thực hiện gắn liền với cuộc cách mạng công nghiệp nào?**

O a. Cách mạng công nghiệp lần thứ 1

O b. Cách mạng công nghiệp lần thứ III

Oc. Cách mạng công nghiệp lần thứ II

O d. Cách mạng công nghiệp lần thứ IV

**19.Yếu tố quyết định quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thích ứng với tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là:**

a. Thể chế kinh tế

Ob. Con người

O c. Công nghệ số

Od. Công nghệ sinh học

**20.Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) vào năm nào?**

a. 2007

O b. 2009

O c. 2006

O d. 2008